

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HCMAX VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HCMAX VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HCMAX VIET NAM INVESTMENTS AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108518421

3. Ngày thành lập: 22/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 18, ngõ 156 Hồng Mai, Tổ 59b, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
2.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
3.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
4.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
5.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
6.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
7.	Sản xuất than cốc	1910
8.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
9.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
10.	Bán buôn tổng hợp	4690
11.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
12.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
13.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
14.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
15.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663
17.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
18.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác	4932
19.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
20.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
21.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
22.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
23.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
24.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
25.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất, hàng hóa thời trang	7410
27.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Cho thuê tất cả các loại đồ dùng (cá nhân và gia đình), cho hộ gia đình sử dụng hoặc kinh doanh (trừ thiết bị thể thao và giải trí)	7729
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
29.	Đại lý du lịch	7911
30.	Bán buôn thực phẩm	4632

31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
32.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
33.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
34.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
35.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
36.	Bốc xếp hàng hóa	5224
37.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
38.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
39.	In ấn	1811
40.	Sao chép bản ghi các loại	1820
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
42.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
43.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
44.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
45.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
46.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
47.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
48.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
49.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
50.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
53.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
54.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
55.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
56.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

57.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
58.	Điều hành tua du lịch	7912
59.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
60.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
61.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
62.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
63.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
64.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
65.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
66.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
67.	Bán buôn đồ uống	4633
68.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
69.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: kính râm, ống nhòm, kính lúp); - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
70.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
71.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
72.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
73.	Xây dựng nhà để ở	4101
74.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

75.	Xây dựng công trình điện	4221
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng tàu thủy, tời neo, xích cầu, thiết bị cứu sinh; - Bán buôn máy và thiết bị lọc nước, máy bơm nước; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659(Chính)
78.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
79.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng và các loại Nhà nước cấm)	4662
80.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
81.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
82.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
83.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4764

84.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Tuy nhiên những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
85.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
86.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
87.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
88.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
89.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
90.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
91.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
92.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
93.	Sản xuất giày, dép	1520
94.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
95.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
96.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
97.	Lập trình máy vi tính	6201
98.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
99.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
100.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ những mặt hàng thuộc danh mục cấm, tạm dừng xuất nhập khẩu) - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
102.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

103.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
104.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô; - Cho thuê xe ủi, xe xúc, xe cẩu	7710
105.	Chăn nuôi gia cầm	0146
106.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
107.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
108.	Khai thác quặng sắt	0710
109.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
110.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
111.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
112.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
113.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
114.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
115.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
116.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
117.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: hoạt động xăm, phun, thêu trên da, không sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm	9639
118.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
119.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
120.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
121.	Trồng cây ăn quả	0121
122.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
123.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
124.	Khai thác thủy sản biển	0311
125.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
126.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
127.	Khai thác và thu gom than non	0520
128.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (Trừ vàng miếng)	3211
129.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
130.	Tái chế phế liệu	3830
131.	Xây dựng nhà không để ở	4102
132.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
133.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
134.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

135.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
136.	Phá dỡ	4311
137.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
138.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
139.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
140.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
141.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
142.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4511
143.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
144.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
145.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
146.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
147.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
148.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
149.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
150.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
151.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
152.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5610
153.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO THẾ HỌC	Số 206 B1, TT 189 Thanh Nhân, Tổ 2, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	60,000	011639866	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	60,000		
2	LÊ THỊ THUẬN	thôn 4, Xã Đồng Phong, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	164495731	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		
3	ĐẶNG TRẦN TRUNG	Số 14, ngõ 12 Vân Hồ 1, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	012029900	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO THẾ HỌC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/02/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011639866

Ngày cấp: 05/11/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 206 B1, TT 189 Thanh Nhàn, Tổ 2, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 206 B1, TT 189 Thanh Nhàn, Tổ 2, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội